

Số. ~~44~~/2024/CBTT-TVC

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC,
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản Trí Việt

Mã chứng khoán: TVC

Trụ sở chính: Số 142 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024. 3722 4999

Fax: 024. 6273 2058

Người thực hiện công bố thông tin: **Bà Nguyễn Thị Hằng**

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

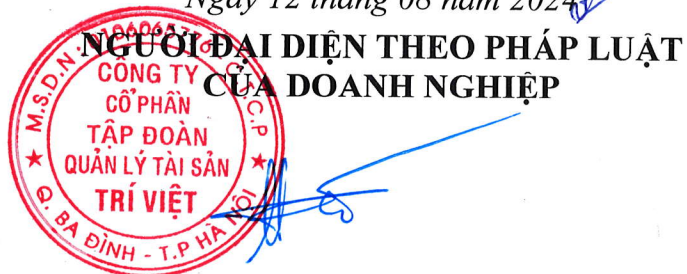
Nội dung thông tin công bố:

Hội đồng quản trị Công ty Quyết định ban hành Quy chế công bố thông tin Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản Trí Việt theo Nghị quyết HĐQT số 14/2024/NQ-HĐQT/TVC ngày 12/08/2024.

Thông tin này được công bố trên trang điện tử Công ty vào ngày 12/08/2024 tại đường dẫn <http://tcorp.vn/danh-muc-qhcd/cong-bo-thong-tin/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 12 tháng 08 năm 2024 *lv*



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Thị Hằng

Số: 14./2024/NQ-HĐQT/TVC

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

V/v: Ban hành Quy chế công bố thông tin Công ty

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quy chế công bố thông tin Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các Quy chế thành viên có nội dung liên quan đến hoạt động công bố thông tin;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản Trí Việt;
- Căn cứ Biên bản tổng hợp ý kiến thành viên Hội đồng quản trị số 14./2024/BB-HĐQT/TVC ngày 12./08./2024 về việc Ban hành Quy chế công bố thông tin.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này “Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản Trí Việt”.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Nghị quyết, Quyết định về việc ban hành Quy chế công bố thông tin trước đó.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng quản trị, văn phòng HĐQT, các bộ phận phòng/ban và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- UBCKNN, HNX;
- HĐQT, BTGĐ;
- Lưu PC, VP.HĐQT.



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Chi Hằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

M.S.D.N

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1: Mục đích và ý nghĩa.....	1
Điều 2: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 3: Giải thích từ ngữ	1
Điều 4: Nguyên tắc công bố thông tin	2
Điều 5: Người thực hiện công bố thông tin	3
Điều 6: Phương tiện báo cáo, công bố thông tin.....	3
Điều 7: Chế độ báo cáo và công bố thông tin	4
Điều 8: Quy trình công bố thông tin	4
Điều 9: Tạm hoãn công bố thông tin	5
Điều 10: Trách nhiệm cung cấp thông tin của các bộ phận, cá nhân có liên quan	5
CHƯƠNG II: TỔ CHỨC THỰC HIỆN	5
Điều 11: Điều khoản thi hành	5
Điều 12: Hiệu lực.....	5
PHỤ LỤC I: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY	6

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT

(Ban hành kèm theo Quyết định số/2024/NQ - HĐQT ngày tháng năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục đích và ý nghĩa

- Quy chế này ban hành tạo chuẩn mực, trình tự trong việc triển khai thực hiện nghiệp vụ công bố thông tin của Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản Trí Việt (sau đây gọi tắt là Công ty/TVC) đảm bảo thực hiện một cách đồng bộ, chính xác, tuân thủ đúng trình tự, quy định của pháp luật cho các bộ phận liên quan trong Công ty, nhà đầu tư, các đối tượng có liên quan.
- Quy chế này cũng nhằm nâng cao hiệu quả làm việc giữa Công ty và các nhà đầu tư khai thác và phát triển các mối quan hệ này nhằm phục vụ tốt nhất cho hoạt động của Công ty trên thị trường chứng khoán.

Điều 2: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về cách thức, trình tự thực hiện việc công bố các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty đối với cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền, xác định công việc và trách nhiệm, quyền hạn của Bộ phận công bố thông tin và các phòng chuyên môn đơn vị trực thuộc liên quan đến hoạt động công bố thông tin tại Công ty.
- Đối tượng áp dụng:
 - Bộ phận thực hiện công bố thông tin.
 - Người nội bộ của Công ty và Người có liên quan của Người nội bộ.
 - Các phòng ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc.
 - Cổ đông.
 - Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
 - Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 3: Giải thích từ ngữ

- Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:
 - Nhà đầu tư là Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ.
 - Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty.
 - Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của Công ty.

- d) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.
2. Người nội bộ của Công ty: Người nội bộ của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, Thành viên Ủy ban kiểm toán, Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin và các chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị công ty bổ nhiệm.
3. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau:
- a) Doanh nghiệp và người nội bộ của Doanh nghiệp.
 - b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết.
 - c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát.
 - d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó.
 - e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia.
 - f) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 4: Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.
2. Việc công bố các thông tin cá nhân (như Căn cước công dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ) chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý. Nếu cá nhân đó không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (sau đây gọi tắt là UBCKNN) và Sở giao dịch chứng khoán (sau đây gọi tắt là Sở GDCK) 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và Sở GDCK thực hiện công khai thông tin.
3. Việc CBTT của Công ty phải do Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền CBTT thực hiện. Việc CBTT của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.
4. Đối tượng CBTT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

5. Khi CBTT phải đồng thời báo cáo UBCKNN và Sở GDCK nơi chứng khoán Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.
6. Các đối tượng CBTT có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố dưới dạng văn bản và dữ liệu điện tử trong vòng 10 năm đối với thông tin công bố định kỳ, tối thiểu 05 năm với các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác; các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu 05 năm.

Điều 5: Người thực hiện công bố thông tin

1. Người thực hiện CBTT (sau đây gọi chung là “Người CBTT”) là 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền CBTT theo quy định của Quy chế này và pháp luật có liên quan.
2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm CBTT.
3. Công ty phải báo cáo hoặc báo cáo lại thông tin về Người CBTT cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện CBTT theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư 96/2020/TT-BTC quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
4. Người CBTT có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ CBTT của Công ty theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật.
5. Người CBTT có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ CBTT một cách cẩn trọng, trung thực, trách nhiệm, miễn cán.

Điều 6: Phương tiện báo cáo, công bố thông tin

1. Trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.
2. Hệ thống CBTT của UBCKNN.
3. Trang thông tin điện tử của SGDCK, Phương tiện CBTT khác theo Quy chế của SGDCK.
4. Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (TCTLKCK).
5. Các phương tiện thông tin khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Cách thức báo cáo, CBTT trên hệ thống CBTT của UBCKNN, phương tiện CBTT của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện CBTT trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định của pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

Điều 7: Chế độ báo cáo và công bố thông tin

Công ty thực hiện chế độ báo cáo và CBTT trong các trường hợp sau: Phụ lục I đính kèm Quy chế này.

Điều 8: Quy trình công bố thông tin

Quy trình CBTT được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Cung cấp thông tin

Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các bộ phận liên quan phải gửi thông tin đến Người CBTT hoặc Phòng/Ban phụ trách việc CBTT theo thời gian quy định cho từng loại thông tin cần phải công bố;

Các bộ phận, cá nhân có liên quan phải thực hiện đảm bảo đúng các quy định hiện hành về thời gian nộp báo cáo, văn bản tài liệu CBTT cho UBCKNN, SGDCK, TCTLKCK và CBTT trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Bước 2: Xử lý thông tin

Khi nhận được thông tin do các bộ phận có liên quan cung cấp, Người CBTT/Phòng/Ban phụ trách CBTT thực hiện theo trình tự:

- Kiểm tra thông tin;
- Đối chiếu với các quy định về CBTT;
- Soạn thảo văn bản CBTT theo quy định của pháp luật.

Bước 3: Trình Ban lãnh đạo phê duyệt

Người CBTT/Phòng/Ban phụ trách CBTT trình Ban lãnh đạo xem xét, phê duyệt nội dung CBTT.

Sau khi nội dung thông tin đã được phê duyệt, Người CBTT thực hiện công bố theo quy định.

Bước 4: Thực hiện công bố thông tin

Người CBTT gửi bản CBTT đến UBCKNN, SGDCK, TCTLKCK (tùy theo yêu cầu của loại thông tin công bố), đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty theo đúng yêu cầu về nội dung và thời hạn CBTT theo quy định pháp luật.

Các bộ phận có liên quan đã cung cấp thông tin để CBTT có trách nhiệm kiểm tra ngay và thông báo cho Người CBTT nếu phát hiện thông tin đã công bố không chính xác để kịp thời điều chỉnh.

Bước 5: Kiểm tra kết quả, báo cáo CBTT

Người thực hiện CBTT theo dõi, kiểm tra kết quả nội dung CBTT đã thực hiện và báo cáo kết quả CBTT.

Bước 6: Bảo quản và lưu trữ thông tin

Thông tin sau khi đã thực hiện công bố sẽ được Phòng/Ban CBTT bảo quản, lưu giữ để phục vụ tham khảo, tra cứu và đối chiếu khi cần của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

Điều 9: Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì lý do bất khả kháng (thiên tai, dịch họa...).
2. Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT, đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.
3. Ngay sau khi đã khắc phục được trình trạng bất khả kháng, đối tượng CBTT có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 10: Trách nhiệm cung cấp thông tin của các bộ phận, cá nhân có liên quan

1. Trưởng các Phòng/Ban có liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của các thông tin cung cấp cho Người CBTT.
2. Việc CBTT liên quan đến HĐQT/Ban TGD thì Văn phòng HĐQT, thư ký chịu trách nhiệm theo dõi nghĩa vụ CBTT.

CHƯƠNG II

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11: Điều khoản thi hành

Quy chế này bao gồm 12 điều và 2 chương đã được ban hành ngày 12 tháng 08 năm 2024, trong quá trình thực hiện có những vấn đề mới phát sinh mà xét thấy cần phải sửa đổi, bổ sung quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật, Công ty có thể sửa đổi theo quy định.

Điều 12: Hiệu lực

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có những quy định của Điều lệ Công ty, pháp luật có liên quan đến việc CBTT của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ Công ty, pháp luật có liên quan đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh việc CBTT của Công ty.

Người được ủy quyền CBTT và các bộ phận chuyên môn, phòng ban, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này. 12



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Chi Hằng

PHỤ LỤC I: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

(Đính kèm Quy chế Công bố thông tin ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-HĐQT ngày/...../2024 của Hội đồng quản trị)

1. CBTT định kỳ

Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT	Nơi tiếp nhận CBTT	Căn cứ
BCTC năm đã được kiểm toán	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, bao gồm báo cáo tài chính năm của riêng TVC và báo cáo tài chính năm hợp nhất trong trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác.	UBCKNN; SGDCK; Website công ty	Khoản 1 Điều 10 thông tư 96/2020/TT-BTC
BCTC bán niên đã được soát xét	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính trong trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng.	UBCKNN; SGDCK; Website công ty	Khoản 2 Điều 14 thông tư 96/2020/TT-BTC
BCTC quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có)	- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý đối với Báo cáo tài chính Quý. - Thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý đối với BCTC quý được soát xét (nếu	UBCKNN; SGDCK; Website công ty	Khoản 3 Điều 14 thông tư 96/2020/TT-BTC

	<p>có).</p> <p>- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý trong trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng.</p>		
Báo cáo thường niên	<p>Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	UBCKNN; SGDCK; Website công ty	Khoản 2 Điều 10 thông tư 96/2020/TT-BTC
Đại hội đồng cổ đông thường niên			
<i>Công bố thông tin về việc họp ĐHĐCĐ thường niên và tài liệu họp</i> (Nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông)	<p>Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn.</p>	UBCKNN; SGDCK; Website công ty	Khoản 3 Điều 10 thông tư 96/2020/TT-BTC
<i>Công bố thông tin biên bản họp, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên</i>	<p>Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.</p>	UBCKNN; SGDCK; Website công ty	Khoản 3 Điều 10 thông tư 96/2020/TT-BTC
Báo cáo tình hình quản trị công ty	<p>Thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm Dương lịch.</p>	UBCKNN; SGDCK; Website công ty	Khoản 4 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC
Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty 06 tháng đầu năm và cả năm dương lịch	<p>Thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm Dương lịch.</p>	Sở giao dịch chứng khoán	Điểm b khoản 1 Điều 11 Quy chế công bố thông tin HNX (Quyết định 606/QĐ- SGDCKHN)

Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 06 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm dương lịch.	Báo cáo 6 tháng đầu năm căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 30/6, gửi tới SGDCK chậm nhất là ngày 30/7. Báo cáo 6 tháng cuối năm căn cứ trên danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 31/12, gửi tới SGDCK chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo.	Sở giao dịch chứng khoán	Điểm c khoản 1 Điều 10 Quy chế công bố thông tin HNX (Quyết định 606/QĐ-SGDCKHN)
--	--	--------------------------	--

2. CBTT bất thường

T	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT	Nơi tiếp nhận CBTT	Căn cứ
	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy sự kiện	UBCKNN; SGDCK; Website công ty	Điểm a khoản 1 Điều 11 thông tư 96/2020/TT-BTC
	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; bị thu hồi Giấy CNĐKKD; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy sự kiện	UBCKNN; SGDCK; Website công ty	Điểm b khoản 1 Điều 11 thông tư 96/2020/TT-BTC
	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy sự kiện	UBCKNN; SGDCK; Website công ty	Điểm c khoản 1 Điều 11 thông tư 96/2020/TT-BTC

<p>Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.</p>	<p>Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy sự kiện</p>	<p>UBCKNN; SGDCK; Website Công ty</p>	<p>Điểm d khoản 1 Điều 11 thông tư 96/2020/TT-BTC</p>
<p>Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.</p>	<p>Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy sự kiện</p>	<p>UBCKNN; SGDCK; Website Công ty</p>	<p>Điểm đ khoản 1 Điều 11 thông tư 96/2020/TT-BTC</p>
<p>Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty.</p>	<p>Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy sự kiện</p>	<p>UBCKNN; SGDCK; Website Công ty</p>	<p>Điểm e khoản 1 Điều 11 thông tư 96/2020/TT-BTC</p>
<p>Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.</p>	<p>Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy sự kiện</p>	<p>UBCKNN; SGDCK; Website Công ty</p>	<p>Điểm g khoản 1 Điều 11 thông tư 96/2020/TT-BTC</p>
<p>Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.</p>	<p>Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy sự kiện</p>	<p>UBCKNN; SGDCK; Website Công ty</p>	<p>Điểm h khoản 1 Điều 11 thông tư 96/2020/TT-BTC</p>

	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy sự kiện	UBCKNN; SGDCK; Website Công ty	Điểm j khoản 1 Điều 11 thông tư 96/2020/TT-BTC
	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy sự kiện		
1	<i>Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu.</i>	Trong thời hạn 24 giờ tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán	UBCKNN; SGDCK; Website Công ty	Điểm k khoản 1 Điều 11 thông tư 96/2020/TT-BTC
2	<i>Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ.</i>	Trong thời hạn 24 giờ tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	UBCKNN; SGDCK; Website Công ty	
3	<i>Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ.</i>	Trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin		

Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy sự kiện	UBCKNN; SGDCK; Website Công ty	Điểm l khoản 1 Điều 11 thông tư 96/2020/TT-BTC
Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy sự kiện	UBCKNN; SGDCK; Website Công ty	Điểm m khoản 1 Điều 11 thông tư 96/2020/TT-BTC
Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy sự kiện	UBCKNN; SGDCK; Website Công ty	Điểm n khoản 1 Điều 11 thông tư 96/2020/TT-BTC
Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy sự kiện	UBCKNN; SGDCK; Website Công ty	Điểm o khoản 1 Điều 11 thông tư 96/2020/TT-BTC
Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy sự kiện	UBCKNN; SGDCK; Website Công ty	Điểm p khoản 1 Điều 11 thông tư 96/2020/TT-BTC
Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy sự kiện	UBCKNN; SGDCK; Website Công ty	Điểm q khoản 1 Điều 11 thông tư 96/2020/TT-BTC
Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy sự kiện	UBCKNN; SGDCK; Website Công ty	Điểm r khoản 1 Điều 11 thông tư 96/2020/TT-BTC

	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN; SGDCK; Website Công ty	Điểm s khoản 1 Điều 11 thông tư 96/2020/TT-BTC
	ĐHĐCĐ bất thường			
1	<i>CBTT về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ.</i>	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ	UBCKNN; SGDCK; Website Công ty	Khoản 3 Điều 10; khoản 3 Điều 11 Thông 96/2020/TT-BTC
2	<i>Biên bản họp, Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường và tài liệu kèm theo trong Biên bản, Nghị quyết.</i>	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện		
	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản			
1	<i>CBTT về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</i>	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	UBCKNN; SGDCK; Website Công ty	khoản 3 Điều 11 Thông 96/2020/TT-BTC
2	<i>CBTT Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</i>	24 giờ kể từ khi ban hành Nghị quyết		
	Ngày đăng ký cuối cùng			
1	<i>Công bố ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.</i>	Tối thiểu 10 ngày trước ngày cuối cùng đăng ký thực hiện quyền	UBCKNN; SGDCK; Website Công ty	Điểm a khoản 4 Điều 11 thông tư 96/2020/TT-BTC
2	<i>Công bố ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.</i>	Tối thiểu 20 ngày trước ngày cuối cùng đăng ký thực hiện quyền		Điểm b khoản 4 Điều 11 thông tư 96/2020/TT-BTC
	Công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài	Trong vòng 10 ngày kể	UBCKNN;	Khoản 6 Điều 11

chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp khi thay đổi kỳ kế toán.	từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	SGDCK; Website Công ty	thông 96/2020/TT-BTC	tư
Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy sự kiện	UBCKNN; SGDCK; Website Công ty	Điểm a khoản 2 Điều 15 thông tư 96/2020/TT-BTC	2 tư
Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy sự kiện	UBCKNN; SGDCK; Website Công ty	Điểm b khoản 2 Điều 15 thông tư 96/2020/TT-BTC	2 tư
Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy sự kiện	UBCKNN; SGDCK; Website Công ty	Điểm c khoản 2 Điều 15 thông tư 96/2020/TT-BTC	2 tư
CBTT về việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động theo quyết định của ĐHĐCĐ.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy sự kiện	UBCKNN; SGDCK; Website Công ty	Điều 296, nghị định 155/2020/NĐ-CP	

3. CBTT theo yêu cầu

Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT	Nơi tiếp nhận CBTT	Căn cứ
CBTT theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi xảy ra sự	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi	UBCKNN; SGDCK;	Điểm a khoản 1 Điều 12

Kiến ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.	nhận được yêu cầu	Website Công ty	thông tư 96/2020/TT-BTC
CBTT theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu	UBCKNN; SGDCK; Website Công ty	Điểm b khoản 1 Điều 12 thông tư 96/2020/TT-BTC

4. CBTT về các hoạt động khác

Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT	Nơi tiếp nhận CBTT	Căn cứ
Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.	Thực hiện theo quy định của pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	UBCKNN; SGDCK; Website công ty	Khoản 1 Điều 13 thông tư 96/2020/TT-BTC
Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.	Thực hiện theo quy định pháp luật hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; UBCKNN; SGDCK; Website công ty	Khoản 2 Điều 13 thông tư 96/2020/TT-BTC
Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.	Thực hiện theo quy định của pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	UBCKNN; SGDCK; Website công ty	Khoản 3 Điều 13 thông tư 96/2020/TT-BTC

5. CBTT liên quan đến cổ đông lớn, Nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT	Nơi tiếp nhận CBTT	Căn cứ
Tổ chức, cá nhân CBTT và báo cáo về việc trở thành cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu của Công ty.	Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ thời điểm trở thành cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5%	UBCKNN; SGDCK; Website công ty	Khoản 1 Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC
Tổ chức, cá nhân CBTT và báo cáo về việc không còn là cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu của Công ty.	Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ thời điểm không còn là cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5%	UBCKNN; SGDCK; Website công ty	Khoản 1 Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC
Tổ chức, cá nhân CBTT và báo cáo về việc thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% (áp dụng với cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu của Công ty).	Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch	UBCKNN; SGDCK; Website công ty	Khoản 2 Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC
Công ty CBTT khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty.	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo	Website công ty	Khoản 6 Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC

6. Công bố thông tin liên quan đến giao dịch của Người nội bộ và người có liên quan đến Người nội bộ

TT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT	Nơi tiếp nhận CBTT	Căn cứ
	<p>Người nội bộ/Người có liên quan của Người nội bộ phải công bố thông tin, báo cáo trước khi thực hiện giao dịch khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác).</p>	<p>Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc</p>	<p>UBCKNN; SGDCK; Website công ty</p>	<p>Điểm a khoản 1 Điều 33 Thông tư 96/2020/TT-BTC</p>
	<p>Người nội bộ/Người có liên quan của Người nội bộ phải công bố thông tin kết quả giao dịch quy định tại mục 1 nêu trên, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).</p>	<p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch</p>	<p>UBCKNN; SGDCK; Website công ty</p>	<p>Điểm đ khoản 1 Điều 33 Thông tư 96/2020/TT-BTC</p>
	<p>Công ty CBTT về giao dịch của Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của Người nội bộ về giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi.</p>	<p>Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo</p>	<p>Website công ty</p>	<p>Khoản 7 Điều 33 Thông tư 96/2020/TT-BTC</p>

7. CBTT về giao dịch chào mua công khai: Thực hiện theo quy định của pháp luật về chào mua công khai